**TRƯỜNG THCS CÁT KHÁNH MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC: 2024 - 2025**

Môn: KHTN – Lớp: 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Ngày kiểm tra: 06/01/2025

(Ma trận và đặc tả đề kiểm tra gồm 05 trang)

**I) Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra: cuối HKI (65 tiết)

- Nội dung: Chương trình HKI

- Thời gian làm bài: 90 phút

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận ( tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận ).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm ( gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

- Phần tự luận: 6,0 điểm ( Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm ).

- Nội dung: 8 tuần đầu của HKI: 25% ( 2,5 điểm ), 10 tuần sau 75% ( 7,5 điểm )

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/số ý** | | **Điểm số** |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Mở đầu ( 7 tiết )** |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| **CĐ1. Các phép đo ( 10 tiết )** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| **CĐ 2. Các thể của chất ( 4 tiết )** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0.25 |
| **CĐ3. Oxygen và không khí**  **(4 tiết)** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0.25 |
| **CĐ4. Một số vật liệu, nhiên liệu, lương thực- thực phẩm thông dụng. Tính chất và ứng dụng của chúng ( 8 tiết )** |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| **CĐ5. Chất tinh khiết – Hỗn hợp – Phương pháp tách các chất (6 tiết )** | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  | 1 | 2 | 1,5 |
| **CĐ6. Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống ( 8 tiết )** | 1 | 2 |  |  |  |  | 1 |  | 2 | 2 | 2,5 |
| **CĐ7. Từ tế bào đến cơ thể**  **( 7 tiết )** | 1 | 2 |  | 1 | 1 |  |  |  | 2 | 3 | 1.5 |
| **CĐ8. Đa dạng thế giới sống**  **( 11/38 tiết)** |  | 1 | 1 | 3 | 1 |  |  |  | 3 | 4 | 3,0 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | 3 | 8 | 1 | 8 | 3 |  | 1 |  | 8 | 16 |  |
| **Điểm số** | 2,0 | 2.0 | 1,0 | 2.0 | 2,0 |  | 1.0 |  | 6,0 | 4,0 |  |
| **Tổng số điểm** | **4,0** | | **3,0** | | **2,0** | | **1,0** | | **10,0** | | **10,0** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ.**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (ý) | TN  (Câu) |
| **1. Chủ đề: Mở đầu (7 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên  - Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu 1 số dụng cụ đo- sử dụng kính lúp, kính hiển vi quang học | **Thông hiểu** | **- Hiểu được tầm quan trọng của việc tuân thủ quy định an toàn trong phòng thực hành.** |  | 1 |  |  |
| C12 |
| **2.Chủ đề: Các phép đo (10 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Đo chiều dài  - Đo khối lượng.  - Đo thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ | **Nhận biết** | Nhận biết công dụng của các dụng cụ đo |  | 1 |  | C2 |
|  |
| **3.Chủ đề: Các thể của chất (4 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất | **Nhận biết** | – Nhận biết **chất** có thể tồn tại ở ba thể cơ bản là **rắn, lỏng và khí.** |  | 1 |  | C3 |
| **4.Chủ đề: Oxygen và không khí (3 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Oxygen  - Không khí và bảo vệ môi trường không khí | **Nhận biết** | **Nhận biết** các thành phần chính trong không khí |  | 1 |  | C1 |
| **5. Chủ đề: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Một số vật liệu thông dụng  - Nhiên liệu và an ninh năng lượng  - Một số nguyên liệu  - Một số lương thực - thực phẩm | **Thông hiểu** | - Hiểu các đặc tính vật lý và hóa học của vật liệu quyết định sự phù hợp của chúng trong các ứng dụng thực tế.  - Hiểu rằng nhiên liệu được sử dụng để đốt cháy vì nó có khả năng cháy, tỏa nhiệt và phát sáng khi cháy. |  | 2 |  | C9  C11 |
| **6. Chủ đề: Chất tinh khiết – Hỗn hợp – Phương pháp tách các chất (6 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Chất tinh khiết – Hỗn hợp  - Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm dung dịch, chất tan, dung môi? | 1 |  | 1(C17a) |  |
| **Thông hiểu** | phân biệt được nhũ tương với các loại hỗn hợp khác |  | 1 |  | C10 |
| **Vận dụng** | - Trình bày được cách tách riêng các chất ra khỏi hỗn hợp gồm cát và muối ăn | 1 |  | 1(C17b) |  |
| **7. Chủ đề: Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống (7 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Tế bào  - Thực hành quan sát tế bào sinh vật | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm sự sinh sản của tế bào?  - Nhận biết tế bào động vật  - Nhận biết các vật có cấu tạo từ tế bào | 1 | 2 | 1(C18a) | C4  C5 |
| **Vận dụng cao** | Tính số tế bào con tạo ra qua các lần phân chia. | 1 |  | 1(C18b) |  |
| **8. Chủ đề: Từ tế bào đến cơ thể (8 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào  - Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào  - Thực hành quan sát sinh vật | **Nhận biết** | - Kể tên các cơ quan của sinh vật  - Nhận biết các vật có cơ thể đa bào | 1 | 2 | 1(C21a) | C6, C7 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được **c**ác cấp độ của tổ chức cơ thể đa bào |  | 1 |  | C13 |
| **Vận dụng** | **Vận dụng kiến thức** về các cơ quan của cây đậu phộng để giải thích vai trò của chúng trong sự sinh trưởng và sinh sản của cây, đồng thời nhận thức được hậu quả khi thiếu một trong các cơ quan này. | 1 |  | 1(C21b) |  |
| **9. Chủ đề: Đa dạng thế giới sống (12 /38tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Phân loại thế giới sống  - Thực hành xây dựng khoá lưỡng phân  - Virus  - Vi khuẩn | **Nhận biết** | - Nêu được cách xây dựng khóa lưỡng phân?  - Nhận biết được 5 giới sinh vật  - Nhận biết được bệnh nào trong các bệnh liệt kê là do virus gây ra.  - Nêu hình dạng và cấu tạo của vi khuẩn | 2 | 1 |  | C8 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các giới sinh vật dựa trên đặc điểm cấu tạo tế bào (nhân thực hay nhân sơ), cấu trúc cơ thể (đa bào hay đơn bào), và chức năng sinh học (như quang hợp).  - Nêu được đặc điểm của vi rút trong tự nhiên và thực tiễn  - Nêu được vai trò của vi rút trong tự nhiên và thực tiễn  - Nêu được đặc điểm của sinh vật thuộc giới thực vật  - Nêu được vai trò của virus trong tự nhiên và thực tiễn |  | 3 | 1(C20) | C14  C15  C16 |
| **Vận dụng** | -Biết cách xây dựng khóa lưỡng phân | 1 |  | 1(C19) |  |

….……………….Hết……………………

**TRƯỜNG THCS CÁT KHÁNH** **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I** - **NĂM HỌC: 2024 - 2025**

Môn: KHTN- Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Ngày kiểm tra: 06/01/2025

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

**I. TRẮC NGHIỆM:** (4,0 điểm) **Hãy chọn câu trả lời đúng:**

**Câu 1.** Không khí là một hỗn hợp gồm nhiều khí khác nhau. Trong đó, khí chiếm tỉ lệ lớn nhất trong không khí là:

A. Carbon dioxide (CO2). B. Nitrogen (N2). C. Oxygen (O2). D. Ozone (O3).

**Câu 2.** Dụng cụ nào dưới đây dùng để đo **nhiệt độ**?

A. Đồng hồ.           B. Nhiệt kế . C. Thước.         D. Cân.

**Câu 3.** Chất có thể tồn tại ở các thể cơ bản nào?

A. Rắn, lỏng, khí và plasma. B. Rắn, lỏng và khí.

C. Rắn, lỏng, khí và bột. D. Rắn và lỏng.

**Câu 4.** Tế bào nào sau đây là tế bào **động vật**?

1. Tế bào thịt lá. B. Tế bào vảy hành. C. Tế bào lỗ khí. D. Tế bào cơ.

**Câu 5.** Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe đạp. B. Quyển sách. C. Ngôi nhà. D. Cây hoa hồng.

**Câu 6.** Cơ thể nào sau đây là cơ thể đa bào?

A. Tảo lục. B.Tảo đỏ. C. Tảo silic. D. Con chó.

**Câu 7.** Trong các cấp độ tổ chức cơ thể dưới đây, cấp độ tổ chức nào là nhỏ nhất?

1. Cơ quan. B. Mô. C. Tế bào. D. Hệ cơ quan.

**Câu 8.** Trong các bệnh sau đây, bệnh nào do virus gây nên?

A. Bệnh tả.   B. Bệnh vàng da. C.  Bệnh dại.  D. Bệnh kiết lị.

**Câu 9. Vì sao nhiên liệu được dùng để đốt cháy tạo năng lượng?**A. Vì không cháy, không tỏa nhiệt. B. Vì chỉ tỏa nhiệt mà không cần cháy.

C. Vì có thể cháy, tỏa nhiệt và phát sáng. D. Vì thu nhiệt và có thể cháy hoặc không cháy.

**Câu 10. Câu nào sau đây là ví dụ về nhũ tương?**

A. Dầu trong nước. B. Nước muối. C. Nước đường. D. Cát trong nước.

**Câu 11.** **Sắt có đặc điểm gì khiến nó được sử dụng nhiều trong xây dựng và làm máy móc?**

1. Bền chắc và dễ tạo hình B. Nhẹ, dễ uốn cong

C. Ít bị gỉ sét (chống ăn mòn tốt) D. Dễ bị nứt vỡ

**Câu 12.** Tại sao quy định an toàn trong phòng thực hành lại quan trọng?

A. Để đảm bảo không xảy ra tai nạn hoặc sự cố không đáng có trong quá trình làm thí nghiệm.

B. Để giúp học sinh có thêm nhiều thời gian nghỉ ngơi.

C. Để tăng tốc độ thực hiện thí nghiệm.

D. Để học sinh có thể làm thí nghiệm mà không cần sự giám sát của giáo viên.

**Câu 13.** Đâu là các cấp độ của tổ chức cơ thể đa bào?

1. Tế bào – Cơ quan – Cơ thể. B. Tế bào – Mô – Cơ quan – Hệ cơ quan - Cơ thể.

C. Tế bào – Cơ thể - Cơ quan. D. Mô – Cơ quan – Cơ thể - Hệ cơ quan.

**Câu 14.** Virus sống kí sinh nội bào bắt buộc vì chúng:

A. Có kích thước hiển vi. B. Chưa có cấu tạo tế bào.

C. Có cấu tạo tế bào nhân sơ. D. Có hình dạng đa dạng.

**Câu 15.** **Sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, và có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?**   
A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nguyên sinh. C. Giới Thực vật. D. Giới Nấm.

**Câu 16.** Bệnh nào sau đây **không phải** do vi khuẩn gây nên?

A. Bệnh kiết lị. B. Bệnh tiêu chảy. C. Bệnh thuỷ đậu. D. Bệnh vàng da.

**II. TỰ LUẬN.** (6,0 điểm)

**Câu 17.** *(1 điểm):*

a. Thế nào là dung dịch, chất tan, dung môi?

b. Hãy trình bày cách tách riêng các chất ra khỏi hỗn hợp gồm cát và muối ăn?

**Câu 18.** *(2,0 điểm) :*

1. **Sự sinh sản của tế bào là gì?**
2. Trong cơ thể sinh vật, năm tế bào bắt đầu quá trình sinh sản để tạo nên các tế bào mới, nếu những tế bào này thực hiện ba lần sinh sản liên tiếp thì sẽ tạo ra được bao nhiêu tế bào?

**Câu 19.** *(1 điểm):* Có một số vật sau: Con chó, con cá chép, con chim bồ câu, cây hoa phượng. Hãy xây dựng khóa lưỡng phân để phân loại các vật trên?

**Câu 20.** *(1 điểm):* Nêu vai trò của virus?

**Câu 21.** *(1 điểm)*: Cho hình ảnh cây đậu phộng.



a. Kể tên các cơ quan của cây đậu phộng?

b. Giả sử cây đậu phộng thiếu một trong các cơ quan như rễ, lá, hoặc hoa, em hãy giải thích cách cây sẽ gặp vấn đề và ảnh hưởng đến sự phát triển của cây như thế nào.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

….…………….Hết……………..

**TRƯỜNG THCS CÁT KHÁNH**  **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

Môn: KHTN – Lớp: 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Ngày kiểm tra: 06/01/2025

1. **TRẮC NGHIỆM. (4,0 điểm)**

Chọn mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | B | B | B | D | D | D | C | C | C | A | A | A | B | B | C | C |

**II.** **TỰ LUẬN. (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 17  *(1 điểm)* | a.  - Dung dịch là hỗn hợp đồng nhất của chất tan và dung môi  - Chất tan là chất được hòa tan trong dung môi. Chất đó có thể là chất rắn, chất lỏng, chất khí  - Dung môi là chất dùng để hòa tan chất tan. Dung môi thường là chất lỏng. | 0,5 |
| b- Hoà tan hỗn hợp vào nước rồi cho qua phễu lọc. Do cát không tan trong nước nên nằm trên phểu lọc.  -Ta thu được dung dịch muối  ăn. Cô cạn dung địch muối ăn ta thu được muối ăn ở dạng rắn. | 0,25  0,25 |
| 18  *(2 điểm)* | Tế bào được thực hiện trao đổi chất lớn lên khi đã lớn hơn khi đạt kích thước nhất định  một số tế bào thực hiện phân chia tạo ra các tế bào con gọi là sự sinh sản của tế bào | 0,5  0,5 |
| b.- Số tế bào con được tạo ra từ 1 tế bào ban đầu:  23 = 8 ( tế bào con)  - Số tế bào con được tạo ra từ 5 tế bào ban đầu:  8 x 5 = 40 ( tế bào con) | 0,5  0,5 |
| 19  *(1 điểm)* | cây hoa phượng  Không    Di chuyển    không  Cá chép      có    Con chó  chim bồ câu  Biết bay  không  có  Có chân | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 20  *(1 điểm)* | Virus có vai trò trong nghiên cứu khoa học và trong thực tiễn Bên cạnh đó virus còn là nguyên nhân gây nên nhiều bệnh cho con người , động vật và thực vật |  |
| 21  *(1 điểm)* | a. Các cơ quan của cây đậu phộng:  (1) Rễ, (2) Thân, (3) Lá, (4) Hoa, (5) Quả, (6) Hạt. | 0,5 |
| **- Nếu cây thiếu rễ**: Cây không thể hút nước và chất dinh dưỡng từ đất, sẽ bị héo và chết.  **- Nếu cây thiếu lá**: Cây không thể quang hợp để tạo ra thức ăn, sẽ yếu ớt và không phát triển được.  **- Nếu cây thiếu hoa**: Cây không thể sinh sản, không có hạt để tạo giống cây mới.  Mỗi cơ quan đều rất quan trọng để cây sống và phát triển. | 0,5 |

...........................Hết..........................